

BẢNG ĐIỂM H. C PH. N - M. D. N TH. N PH. N

Kh. a h. c : L. p h. c : 36CNVL1 N. m h. c : 2012-2013 Đ. VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H. ậ T : H. c ph. n : 122067100703 - Quy h. ch t. u. y. h. t. n. h H. c k. 8 : HK02

STT	Mã S	L. P SV	H. Vê T. ậ N		NGÀY SINH	Đ. I. q. M TH. N PH. N						TBC	QUY TS: 30.00%	Đ. I. q. M TH. I	QUY TS : 70.00%	Đ. I. q. M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671050588	36CNVL1	Ch. ậ Ng. c	Anh	20/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N. HPCT
2	3671050292	36CNVL1	L. ậ Th. J	Anh	06/01/1991				2.0			2.0	0.6	3.0	2.1	2.7	
3	3671052046	36CNVL1	Phan Minh	Ánh	09/09/1993				6.5			6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	
4	3671051992	36CNVL1	Nguy. n Ti. h	C. ậ ng	21/02/1994				2.0			2.0	0.6	6.0	4.2	4.8	
5	3671051618	36CNVL1	Hu. ậ Th. h	Duy	00/00/1993				2.5			2.5	0.8	3.0	2.1	2.9	
6	3671051832	36CNVL1	L. ậ V. i Kh. i	D. ậ ng	20/10/1994				1.5			1.5	0.5	0.0	0.0	0.5	
7	3671050316	36CNVL1	Ho. ậ C. ậ nh	Đ. ậ b	18/04/1992				2.5			2.5	0.8	2.5	1.8	2.5	
8	3671051848	36CNVL1	Hu. ậ Th. h	Đ. ậ i	11/10/1994				3.0			3.0	0.9	7.0	4.9	5.8	
9	3671051644	36CNVL1	Nguy. n Minh	Đ. ậ n	16/09/1993				0.0			0.0	0.0	0.5	0.4	0.4	
10	3671051165	36CNVL1	V. ậ Tu. h	Đ. ậ c	29/03/1993				2.0			2.0	0.6	8.0	5.6	6.2	
11	3671051980	36CNVL1	Nguy. n Tr. ậ ng	Giang	10/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N. HPCT
12	3671050393	36CNVL1	Tr. ậ V. ậ n	Giàu	27/03/1994				6.5			6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
13	3671051678	36CNVL1	Nguy. n Thanh	H. ậ i	24/08/1994				2.5			2.5	0.8	2.5	1.8	2.5	
14	3671052024	36CNVL1	Tr. ậ Minh	H. ậ i	13/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N. HPCT
15	3671051918	36CNVL1	Lê Danh	H. ậ i	22/10/1994				2.5			2.5	0.8	2.5	1.8	2.5	
16	3671050590	36CNVL1	L. ậ Nh. đ	Hoàng	01/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
17	3671051524	36CNVL1	Nguy. n Th. i	Hu. i	06/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N. HPCT
18	3671051153	36CNVL1	Đ. ậ Ng. c	Hùng	24/05/1993				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
19	3671050503	36CNVL1	Tr. ậ C. ậ ng	Kha	16/06/1993				3.0			3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN - MÔN THIÊN - MÔN THIÊN

Khóa học : Lớp học : 36CNVL1 Năm học : 2012-2013 Số VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

Họ tên : Mã số : 122067100703 - Quy hoạch tuyển sinh Học kỳ : HK02

STT	Mã số	Lớp SV	Họ và Tên	NGÀY SINH	Điểm Thiên Môn Thiên						TBC	QUY TS: 30.00%	Điểm THI	QUY TS : 70.00%	Điểm TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671052016	36CNVL1	Nguyễn Trần Khanh	28/01/1993				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
21	3671051881	36CNVL1	Bùi Anh Khoa	25/06/1993				1.5			1.5	0.5	2.5	1.8	2.2	
22	3671051908	36CNVL1	Nguyễn Quang Nguyễn Khôi	04/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nº HPCT
23	3671051879	36CNVL1	Nguyễn Anh Khôi	21/01/1994				2.0			2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
24	3671051272	36CNVL1	Nguyễn Hoàng Văn Lâm	08/12/1994				2.5			2.5	0.8	2.5	1.8	2.5	
25	3671050747	36CNVL1	Trần Minh Long	12/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nº HPCT
26	3671051297	36CNVL1	Nguyễn Văn Lộc	08/06/1994				4.0			4.0	1.2	0.5	0.4	1.6	
27	3671052039	36CNVL1	Trần Lộc	12/04/1994				0.5			0.5	0.2	0.5	0.4	0.5	
28	3671050826	36CNVL1	Trần Ngọc Nam	15/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
29	3671050841	36CNVL1	Nguyễn Văn Ngọc	16/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nº HPCT
30	3671052006	36CNVL1	Vũ Hoàng Nguyễn	02/09/1994				1.0			1.0	0.3	1.0	0.7	1.0	
31	3671050564	36CNVL1	Trần Hùng Nhân	10/09/1994				7.5			7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
32	3671050044	36CNVL1	Võ Trung Nhân	12/09/1994				3.0			3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
33	3671050283	36CNVL1	Lê Thị Phát	19/04/1994				2.5			2.5	0.8	2.0	1.4	2.2	
34	3671051671	36CNVL1	Lê Thị Phát	10/01/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nº HPCT
35	3671051933	36CNVL1	Nguyễn Hoàng Phát	05/10/1992				2.0			2.0	0.6	2.0	1.4	2.0	
36	3671051682	36CNVL1	Nguyễn Văn Phi	24/06/1992				1.5			1.5	0.5	1.0	0.7	1.2	
37	3671050705	36CNVL1	Phạm Hoàng Phúc	19/08/1994				5.5			5.5	1.7	7.5	5.3	6.9	
38	3671051995	36CNVL1	Trần Hoàng Quang Phúc	01/03/1993				3.5			3.5	1.1	1.0	0.7	1.8	

Kh. a ḥ c : **Ḷ p ḥ c :** 36CNVL1 **Nḷm ḥ c :** 2012-2013 **ṇ VHT :** 2
(30,0,0,0,0,0)

Ḥ ṇ T : **Ḥ c pḥFn :** 122067100703 - Quy họch ṭuỵn ṭnh **Ḥ c k8 :** HK02

STT	Mã S	L P SV	H Vê TqN		NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	q IqM THI	QUY TS : 70.00%	q IqM TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671050014	36CNVL1	Trfñ Th' Minh	Phúc	21/12/1992				1.5			1.5	0.5	2.0	1.4	1.9	
40	3671050720	36CNVL1	q H u	Ph-Q c	02/08/1994				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
41	3671050731	36CNVL1	Nguy n Vln	Quý	12/04/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
42	3671050584	36CNVL1	Trfñ Qu' c	Rô	18/08/1994				4.0			4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
43	3671051675	36CNVL1	Lê Hoàng	Sang	11/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HPCT
44	3671051877	36CNVL1	L° Têñ	Sang	27/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
45	3671050513	36CNVL1	Cao Quang	Sinh	21/07/1992				4.5			4.5	1.4	5.5	3.9	5.2	
46	3671050077	36CNVL1	Bùi Minh	Tài	16/04/1994				3.0			3.0	0.9	6.5	4.6	5.5	
47	3671051972	36CNVL1	Nguy n Th"nh	Tâm	29/05/1994				2.5			2.5	0.8	1.3	0.9	1.7	
48	3671052017	36CNVL1	q" ng q Ỗ	Tân	17/07/1991				0.0			0.0	0.0	7.0	4.9	4.9	
49	3671052057	36CNVL1	Nguy n Thanh	Tân	30/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HPCT
50	3671051910	36CNVL1	Hu8nh C¹ ng	ToỖ	11/06/1994				5.5			5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
51	3671051938	36CNVL1	Trfñ Nhđt	TuỖ	04/12/1993				3.5			3.5	1.1	1.5	1.1	2.1	
52	3671051920	36CNVL1	Võ Trang Anh	TuỖ	29/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HPCT
53	3671050169	36CNVL1	Bùi Minh	Thành	12/06/1992				1.0			1.0	0.3	1.0	0.7	1.0	
54	3671051960	36CNVL1	V» Vln	Thđng	20/11/1993				2.0			2.0	0.6	2.5	1.8	2.4	
55	3671051914	36CNVL1	Phan	ThJ	18/03/1994				5.0			5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
56	3671050036	36CNVL1	H" Vln	Thi	29/01/1993				3.0			3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	
57	3671050668	36CNVL1	Trfñ Ng' c	Thôi	14/04/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HPCT

Kh·a h̃ c :	L̃ p h̃ c : 36CNVL1	Ñm h̃ c : 2012-2013	q̃ VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H̃ nT :	H̃ c ph̃n : 122067100703 - Quy hõch t̃ũỹñ t̃nh̃	H̃ c k8 : HK02	

STT	Mã S´	L. P SV	H. Vê Tq.N	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	η IqM THI	QUY TS : 70.00%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3671051975	36CNVL1	H. Th. Bi°n Thùy	29/09/1994				0.0			0.0	0.0	9.0	6.3	6.3	
59	3671050659	36CNVL1	Phan Thanh Th. y	13/01/1994				5.5			5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	
60	3671051633	36CNVL1	Võ Trung Tr. c	25/01/1994				2.5			2.5	0.8	4.5	3.2	3.9	
61	3671050692	36CNVL1	Lô Quang V. ng	06/10/1994				6.0			6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	

T'ng s' : 61 h' c sinh sinh vi' n

TP.HCM, ngày / /

Trẻ ng Khoa

$$\text{Gi}\xi_0 \text{ Vi}^\circ \text{ n B}_j \text{ M}^1 \text{ n}$$

Giáo V Khoa